ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98 /2021/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 269/LĐTBXH-VPQGGN ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3406/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2973/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục các vùng có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh (Đối với học sinh cấp Tiểu học và Trung học cơ sở) ban hành kèm theo Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục đính kèm Quyết định này).

2. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2021-2022 trở đi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *10* tháng 01 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Các vùng có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở, đất, đá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (đối với học sinh cấp Tiểu học và Trung học cơ sở)

(Kèm theo Quyết định số 98 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
Bác Ái	Phước Trung	THCS Nguyễn Văn Trỗi *(Địa điểm: Thôn Rã Trên)*	Đồng Dày, Tham Dú	Nhà học sinh ở cách trường từ 6 km trở lên, ngăn cách suối vào mùa mưa.
	Phước Tân	THCS Nguyễn Văn Linh *(Địa điểm: Thôn Ma Ty)*	Ma Lâm, Ma Ty, Đá Trắng	Nhà học sinh ở cách trường từ 6 km trở lên, có suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
	Phước Bình	THCS Đinh Bộ Lĩnh *(Địa điểm: Thôn Gia É)*	Bạc Rây 1, Bạc Rây 2, Hành Rạc 1, Hành Rạc 2, Bố Lang	Nhà học sinh ở cách trường trên từ 5 km trở lên. Đường đi từ nhà đến trường qua chân núi đá, dễ bị sạt lở vào mùa mưa.
		Tiểu học Phước Bình B *(Địa điểm: Thôn Hành Rạc 1)*	Hành Rạc 1	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đường đi từ nhà đến trường qua chân núi đá, dễ bị sạt lở vào mùa mưa; qua suối ngập lụt vào mùa mưa.
		Tiểu học Phước Bình A *(Địa điểm: Thôn Gia É)*	Hành Rạc 2, Bố Lang	Nhà học sinh ở cách trường từ 2 km trở lên, địa bàn cách trở, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không thể đi học về trong ngày.
	Phước Thành	THCS Nguyễn Huệ *(Địa điểm: Thôn Ma Dú)*	Ma Rớ, Đá Ba Cái, Suối Lở	Nhà học sinh ở cách trường từ 4 km trở lên, đường đồi dốc, qua vùng sạt lở, đi lại khó khăn vào mùa mưa.
		PTDTBT TH Phước Thành B *(Địa điểm: thôn Ma Rớ)*	Ma Rớ, Đá Ba Cái	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đa số nhà học sinh (ở rẫy) về điểm chính xa, đi lại khó khăn về mùa mưa.
	Phước Tiến	Tiểu học Phước Tiến B *(Địa điểm: Thôn Suối Rua)*	Suối Rua, Đá Bàn	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
		PTDTBT TH, THCS Ngô Quyền *(Địa điểm: Thôn Trà Co 2)*	Suối Rua, Suối Đá, Đá Bàn, Trà Co 1	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km trở lên, đường đồi dốc, đi lại khó khăn về mùa mưa.

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
	Phước Đại	THCS, THPT Bác Ái *(Địa điểm: Thôn Tà Lú 1)*	Tà Lú 2, Tà Lú 3, Châu Đắc	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km trở lên; Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
		PTDTBT TH Phước Đại A *(Địa điểm: thôn Tà Lú 2)*	Tà Lú 1, Tà Lú 3	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đi lại khó khăn về mùa mưa do phải đi vòng trên 5km.
	Phước Thắng	THCS Lê Lợi *(Địa điểm: Thôn Ma Ty)*	Chà Đung, Ha Lá Hạ, Ma Oai	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km lên. Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
		Tiểu học Phước Thắng *(Địa điểm: thôn Chà Đung)*	Ha Lá Hạ, Ma Oai và Ma Ty	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đi lại khó khăn về mùa mưa.
Ninh Sơn	Ma Nới	PTDTBT THCS Phan Đình Phùng *(Địa điểm: Thôn Ú)*	Hà Dài, Gia Hoa, Tà Nôi	Nhà học sinh đến trường từ 4 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở bởi sông, học sinh phải đi vòng, sông có cầu thường bị lũ cuốn.
	Hòa Sơn	Tiểu học Hòa Sơn *(Địa điểm: Thôn Tân Hoà)*	Tân Định	Nhà học sinh đến trường từ 5 km trở lên, đường đi từ nhà (ở rẫy) đến trường cách trở, có suối khó đi vào mùa mưa.
		THCS Hoàng Hoa Thám *(Địa điểm: Thôn Tân Lập)*	Tân Định	Nhà học sinh đến trường từ 6 km trở lên, đường đi từ nhà (ở rẫy) đến trường cách trở, có suối khó đi vào mùa mưa.
	Mỹ Sơn	Tiểu học Mỹ Sơn A *(Địa điểm: Thôn Phú Thủy)*	Nha Húi	Nhà học sinh cách trường hơn 4 km, trên đường có suối, núi đá dễ sạt lở.
		Tiểu học Mỹ Sơn B *(Địa điểm: Thôn Tân Mỹ)*	Phú Thuận, Mỹ Hiệp	Nhà học sinh ở cách trường từ 4 km trở lên, qua suối.
		Tiểu học Mỹ Sơn C *(Địa điểm: Thôn Mỹ Hiệp)*	Nha Húi	Nhà xa trường trên 5km, qua 2 suối.
		THCS Trần Hưng Đạo *(Địa điểm: Thôn Phú Thủy)*	Nha Húi, Tân Mỹ	Nhà học sinh cách trường hơn 7 km, trên đường có suối, núi đá dễ sạt lỡ khi có mưa lũ.
	Quảng Sơn	Tiểu học Quảng Sơn B *(Địa điểm: Thôn Triệu Phong 1)*	Lương Giang	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 3 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở có sông, suối ngăn cách, giao thông đi lại khó khăn.
Thuận Nam	Phước Hà	PTDTBT THCS Phước Hà *(Địa điểm: Thôn Giá)*	Trà Nô, Tân Hà	Học sinh thường theo gia đình lên núi, đi rẫy; đường đi từ nhà học sinh tới trường qua vùng sạt lở đất, đá vào mùa mưa; qua sông dài, suối sâu, đèo dốc trên 4 km.
	Phước Dinh	Tiểu học Từ Thiện *(Địa điểm: Thôn Từ Thiện)*	Bầu Ngứ	Nhà học sinh cách trường từ 4 km trở lên, đường đi khó khăn, lầy lội vào mùa mưa, dễ sạt lở.

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
		THCS Nguyễn Tiệm *(Địa điểm: Thôn Sơn Hải 1)*	Từ Thiện, Bầu Ngứ	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 4 km trở lên, đường đi khó khăn, phải qua nhiều động cát, lầy lội vào mùa mưa, dễ sạt lở.
Thuận Bắc	Phước Kháng	THCS Phước Kháng *(Địa điểm: Thôn Đá Liệt)*	Suối Le	Nhà học sinh cách trường từ 5 km trở lên, phải băng rừng và núi mới đến trường học.
	Phước Chiến	THCS Phước Chiến *(Địa điểm: Thôn Đầu Suối B)*	Tập Lá	Nhà học sinh cách trường từ 5 km, học sinh đến trường phải qua suối sâu không có cầu; nguy hiểm khi có mưa lũ.
			Ma Trai	Nhà học sinh cách trường từ 4 km, học sinh đến trường phải qua vùng núi có nguy cơ sạt lở; nguy hiểm khi có mùa mưa, lũ.
Ninh Hải	Vĩnh Hải	Tiểu học Thái An *(Địa điểm: Thôn Thái An)*	Đá Hang	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.
		THCS Ngô Quyền *(Địa điểm: Thôn Thái An)*	Đá Hang	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.